

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DSST
Ngày 05-02-2021
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khoát;

Ông Hoàng Xuân Cương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Văn T kết hôn năm 1985 do hai bên gia đình mai mối, trên cơ sở tự nguyện mặc dù không được tìm hiểu nhau trước khi cưới. Tại thời điểm đó cả hai ông, bà không đăng ký kết hôn và cũng không đăng ký kết hôn theo Nghị định 77 của Chính phủ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là

do ông T gia trưởng, không chịu khó làm ăn, chỉ ăn chơi, cờ bạc; không có trách nhiệm lo toan trong gia đình, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông T còn nhiều lần đánh đập bà, đã có lần phải nhờ chính quyền can thiệp. Mâu thuẫn xảy ra quá trầm trọng, do lo sợ nên bà đã bỏ đi khỏi nhà để đi làm thuê kiếm sống từ tháng 01 năm 2018, thỉnh thoảng có về qua nhà thăm con chung. Bà và ông T sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Triệu Văn T.

Về con chung: Bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T có sáu con chung là: Triệu Ái V; Triệu Ngọc A; Triệu Thu N; Triệu Phương N; Triệu Thanh N, hiện nay các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chỉ còn cháu Triệu Yến L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2003, khi ly hôn bà yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu, để chứng minh về điều kiện nuôi con bà P đã cung cấp địa chỉ nơi ở và mức thu nhập. Bà Hoàng Thị P không yêu cầu ông Triệu Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Triệu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Văn T thừa nhận về điều kiện kết hôn đúng như bà Hoàng Thị P trình bày, ông và bà P kết hôn năm 1985, trước khi cưới không được tìm hiểu mà do mai mối; ông và bà P chung sống thực tế với nhau; không đi đăng ký kết hôn. Cuộc sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn do bà P quản lý kinh tế không tốt, nên gia đình gặp nhiều khó khăn, bà P bỏ nhà đi làm thuê. Trong thời gian này bà P ít khi về gia đình và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông và bà P không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng ông sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông, ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông Triệu Văn T thừa nhận ông và bà P có sáu người con như bà P đã trình bày, hiện nay các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Triệu Yến L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2003, khi ly hôn ông yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai tại Tòa án, cháu Triệu Yến L có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Hoàng Thị P vì hiện nay cháu đang sống với mẹ và học tại Trường Trung học phổ thông Đ tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và không hòa giải được do ông Triệu Văn T có đơn đề nghị không hòa giải.

Ngày 25/01/2021 bị đơn ông Triệu Văn T đã được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt. Sau khi Hội đồng xét xử công bố biên

bản giao nhận văn bản tố tụng, bà Hoàng Thị P đồng ý với ý kiến của ông Triệu Văn T và đề nghị xét xử vắng mặt ông Triệu Văn T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T được ly hôn. Về con chung: Bà Hoàng Thị P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Triệu Yến L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2003 kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu đủ 18 tuổi; ông Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, bà P có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông T là có căn cứ, đúng theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ly hôn chỉ thực hiện khi một trong hai hoặc cả hai bên muốn chấm dứt hôn nhân. Hình thức chung sống như vợ chồng tại thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình 2014 không làm phát sinh quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên Theo quy định tại Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP thì đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan

hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Bà Hoàng Thị P cho rằng do hai vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau, ông Triệu Văn T thường xuyên cờ bạc không chăm lo kinh tế gia đình, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Từ đó hai người không quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm không còn. Ông Triệu Văn T cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, cả hai bên đều nhất trí từ bỏ cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, cho bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T được ly hôn.

[5] Về con chung bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T có sáu người con chung, năm con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết. Chỉ còn cháu Triệu Yến L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2003, hiện cháu đang học lớp 12 tại trường Trung học phổ thông Đ, thuộc thị trấn C, huyện C là nơi bà P hiện nay đang làm thuê, và ở nhờ tại 01 ngôi nhà cấp 4 riêng biệt, nhà của cháu bà P là chị Triệu Thị H; xét thấy bà P có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung là cháu Triệu Yến L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con chung của bà P, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị P và ông Triệu Văn T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 51; 53; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P, tuyên xử bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Triệu Văn T.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Triệu Yến L, sinh ngày 14/6/2003 kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Triệu Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Ông Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/000406 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Chi Lăng;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thế Khuynh